

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

Tổng Công ty lắp máy Việt Nam - CTCP

Ngày
31/03/2024

10,700 VNĐ

Thay đổi

1 tháng

3 tháng

6 tháng

-1.8%

23.0%

-

DT thuần
Q1/24

1,651

tỷ VNĐ

QoQ: ▼779| -32.1%

YoY: ▲ 1,230| 292%

LN thuần
Q1/24

34.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.80| 24.5%

YoY: ▲ 41.9| 589%

LN sau thuế
Q1/24

33.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.90| 30.4%

YoY: ▲ 39.8| 674%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/24

3.6%

YoY: +/-▲ 1.5%

ROE (TTM)
Q1/24

3.8%

YoY: +/-▲ 3.7%

Sàn giao dịch UPCOM

Khoảng giá 52 tuần 7,417 - 13,548

Vốn hóa (tỷ VNĐ) 853

Số lượng CPLH (CP) 79,726,104

KLGD BQ 20 phiên (CP) 625

Sở hữu nước ngoài 0.0%

Beta (0.05)

EPS 468

P/E 22.9

DT thuần
2023

5,079

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2,187| 75.6%

LN thuần
2023

-14.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.40| 33.9%

LN sau thuế
2023

-19.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 34.8| 64.1%

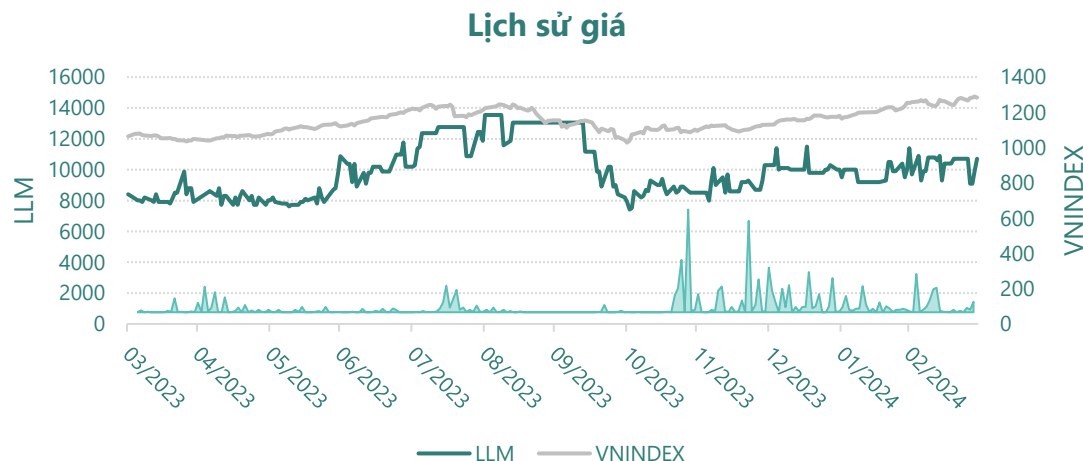
Cơ cấu cổ đông

0.1.6%

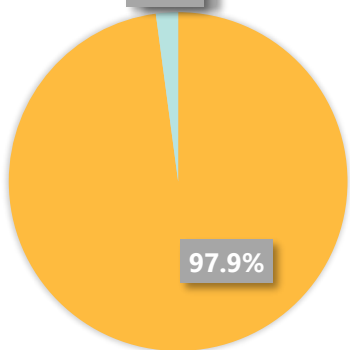
97.9%

- Bộ Xây dựng
- Nguyễn Thị Thu Phương
- Lê Văn Tuấn (Tổng giám đốc)
- Nguyễn Văn Hùng (Thành viên HĐQT)
- Trần Đình Đại
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)



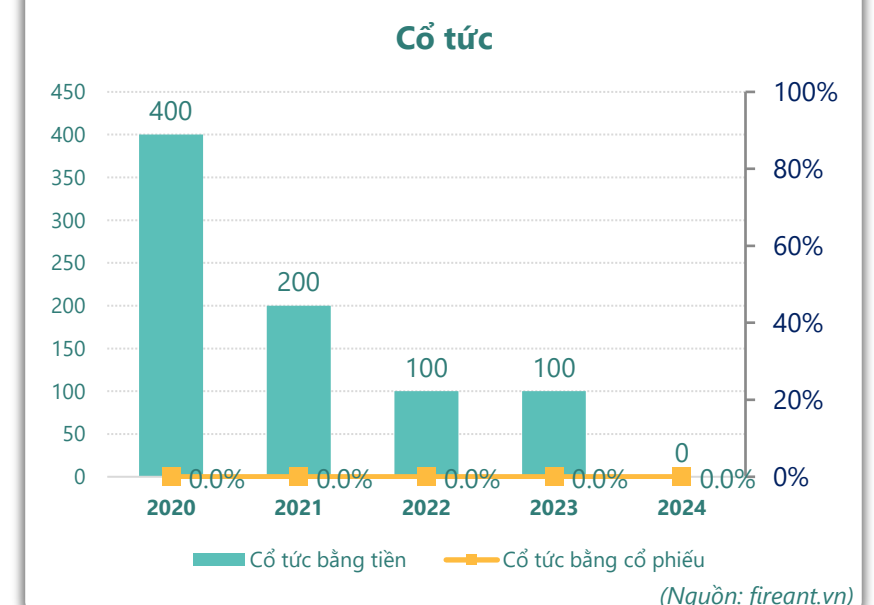
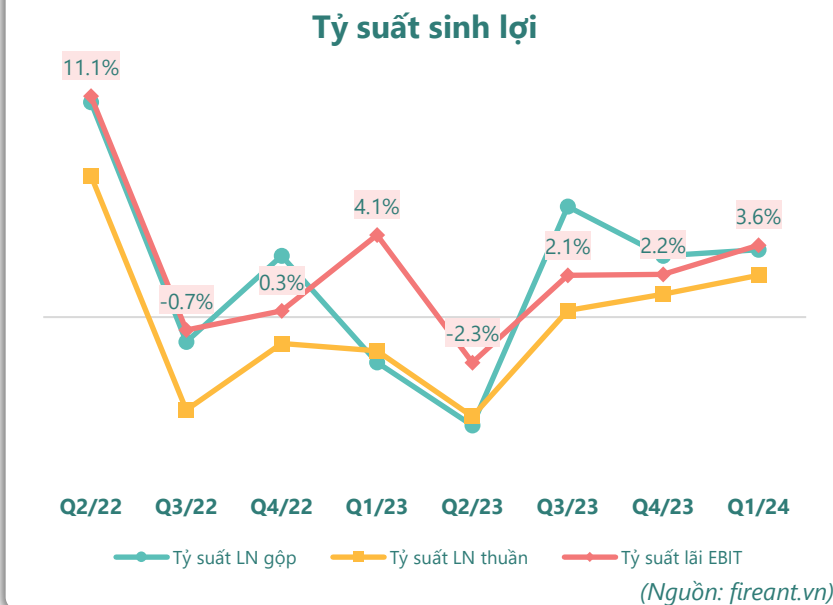
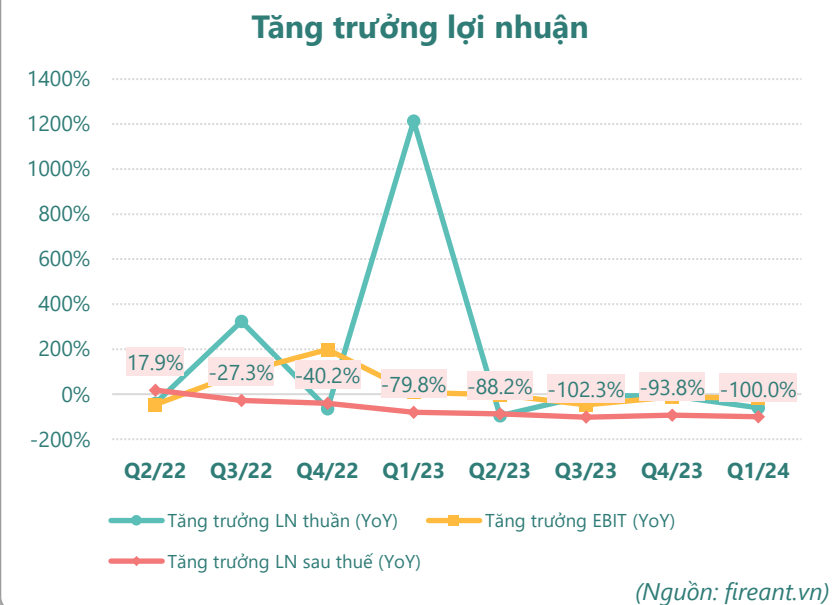
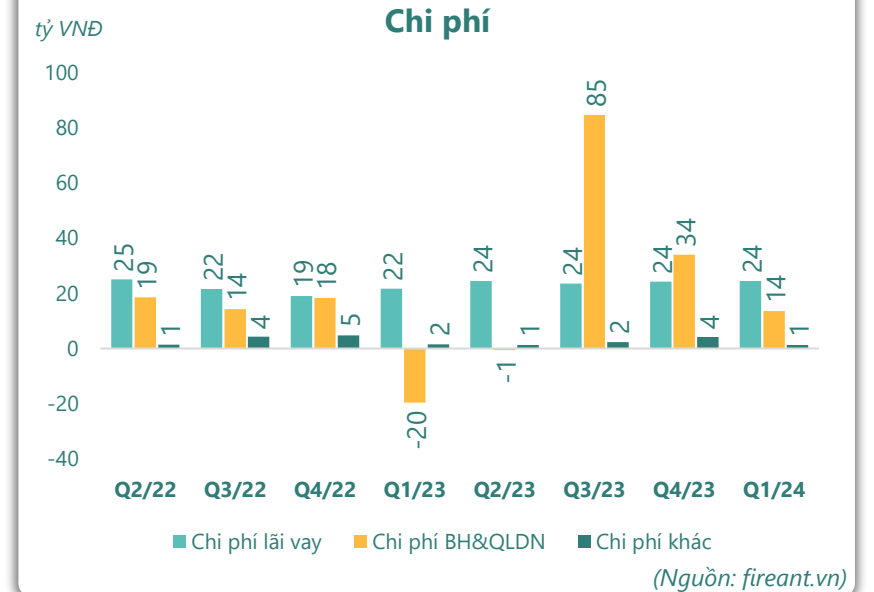
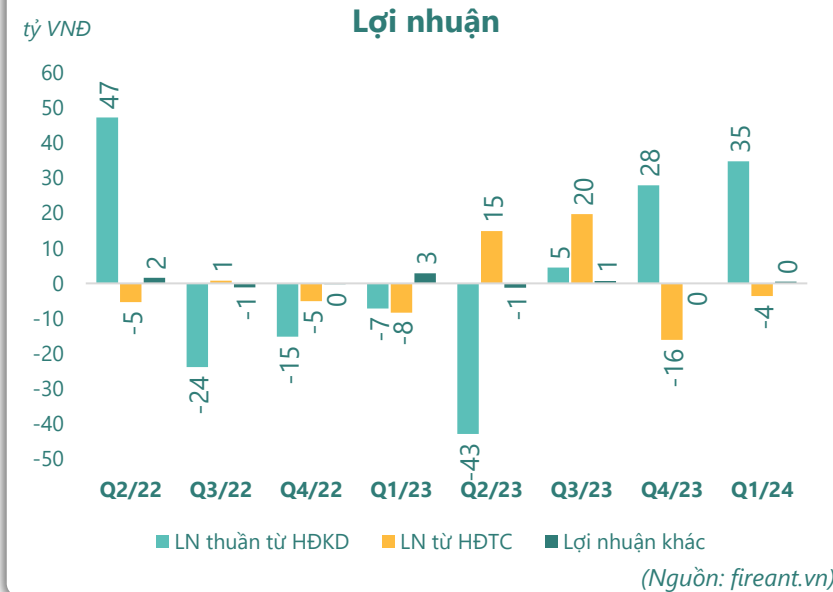
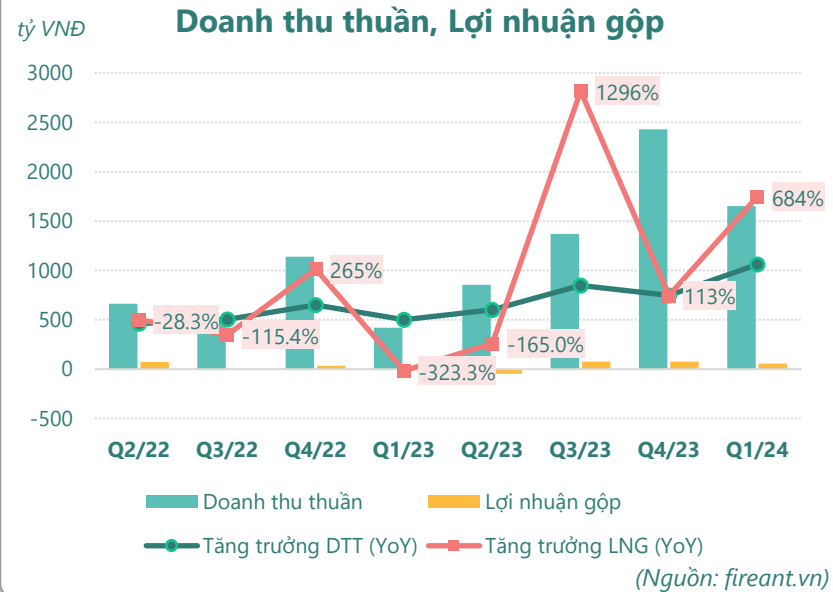
Cơ cấu sở hữu



- Sở hữu nước ngoài
- Sở hữu nhà nước
- Sở hữu khác

(Nguồn: fireant.vn)

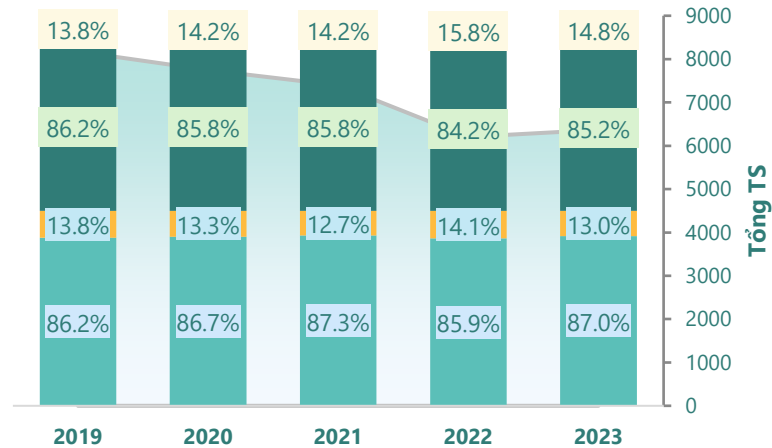
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

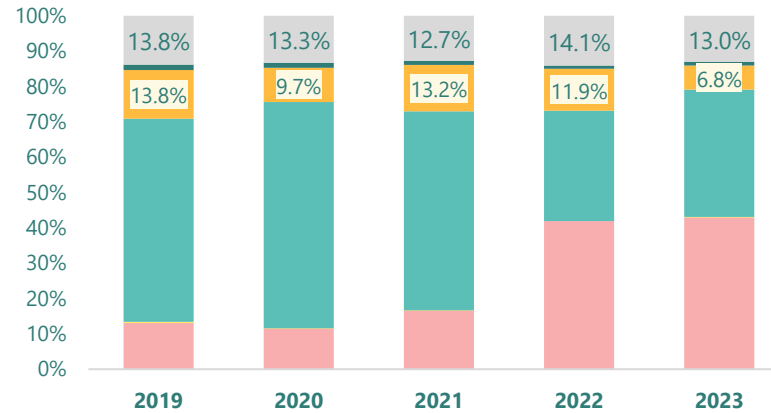
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

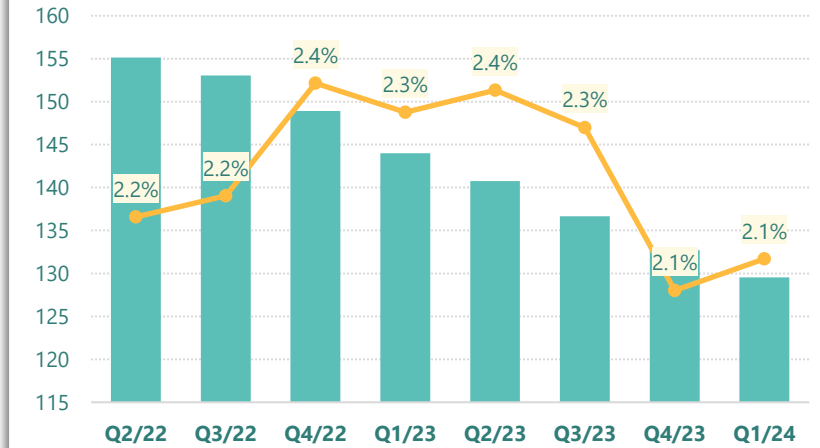


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn
■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

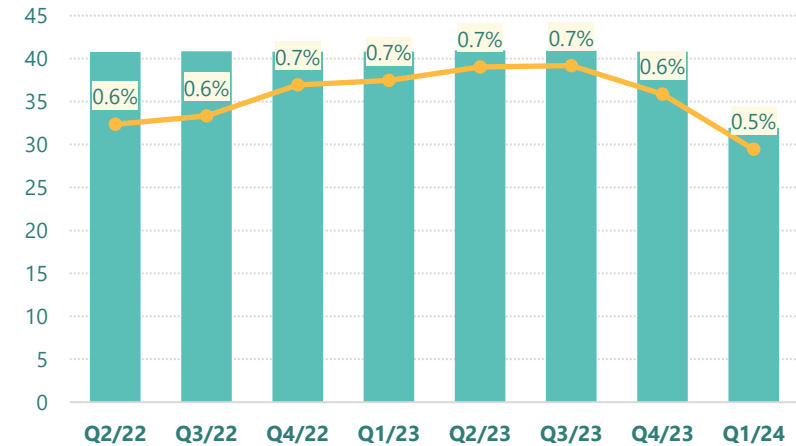


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

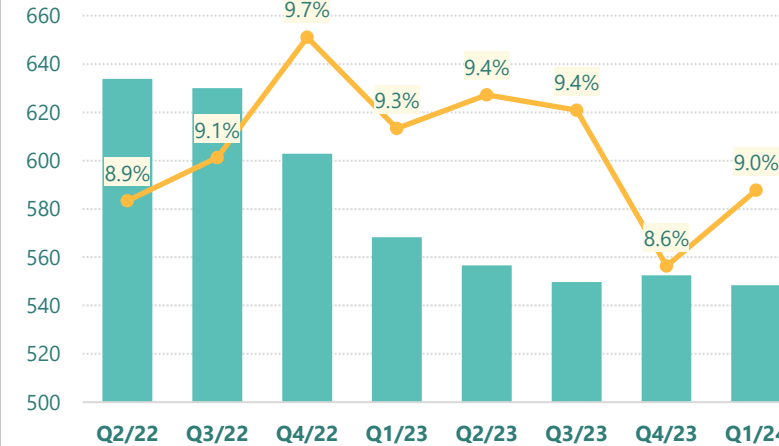


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

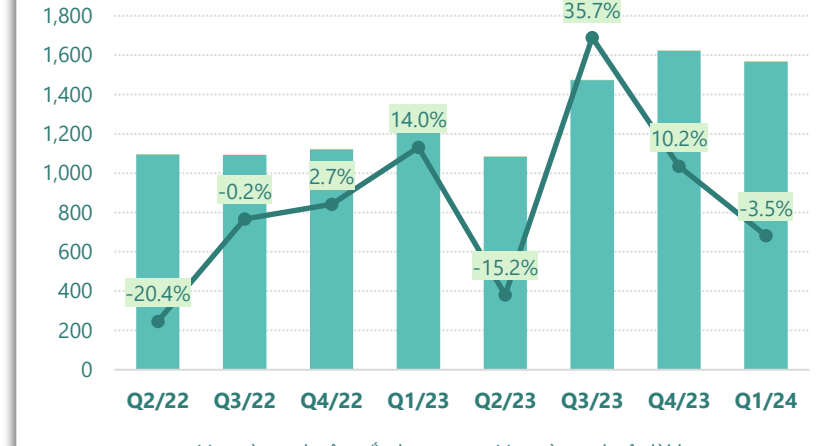


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ

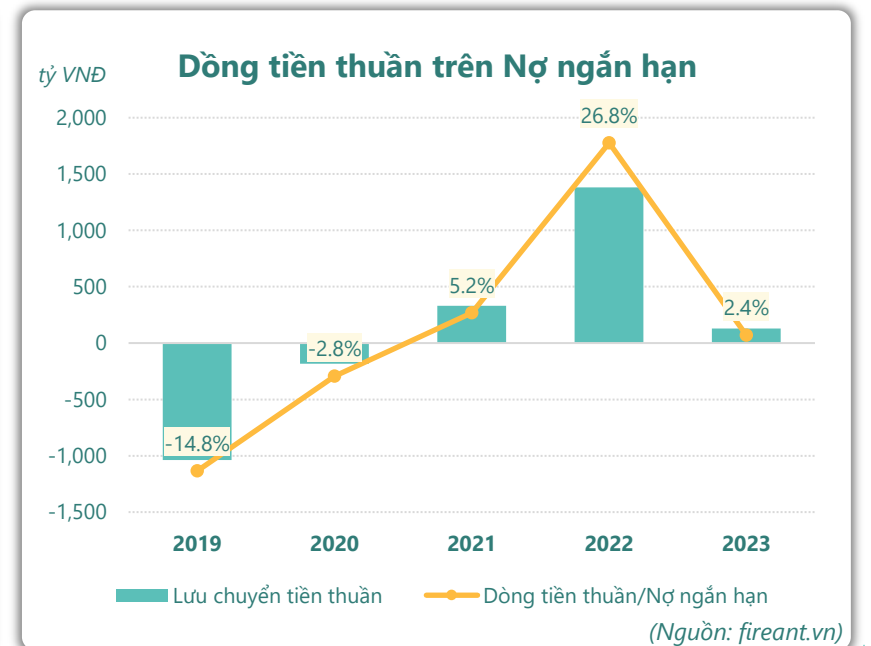
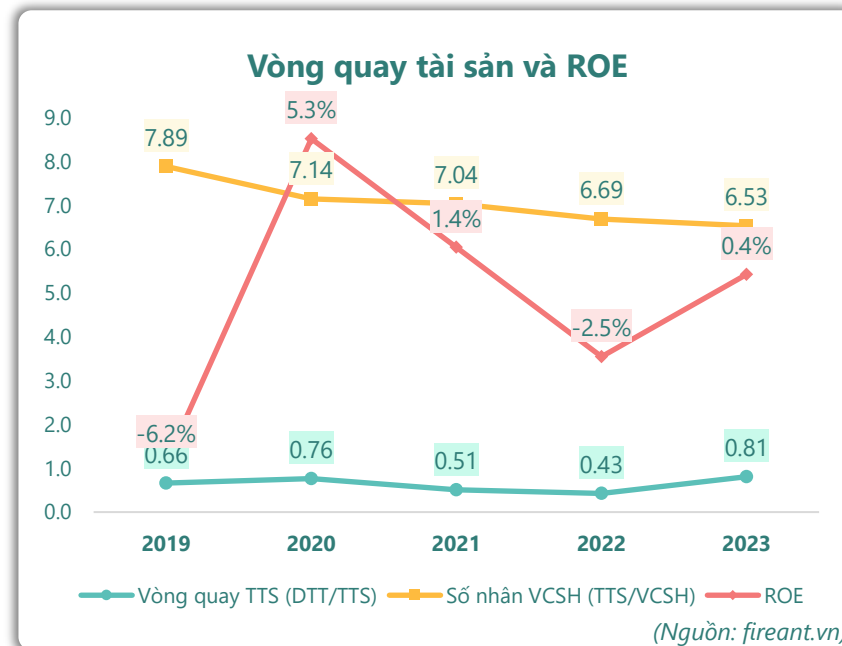
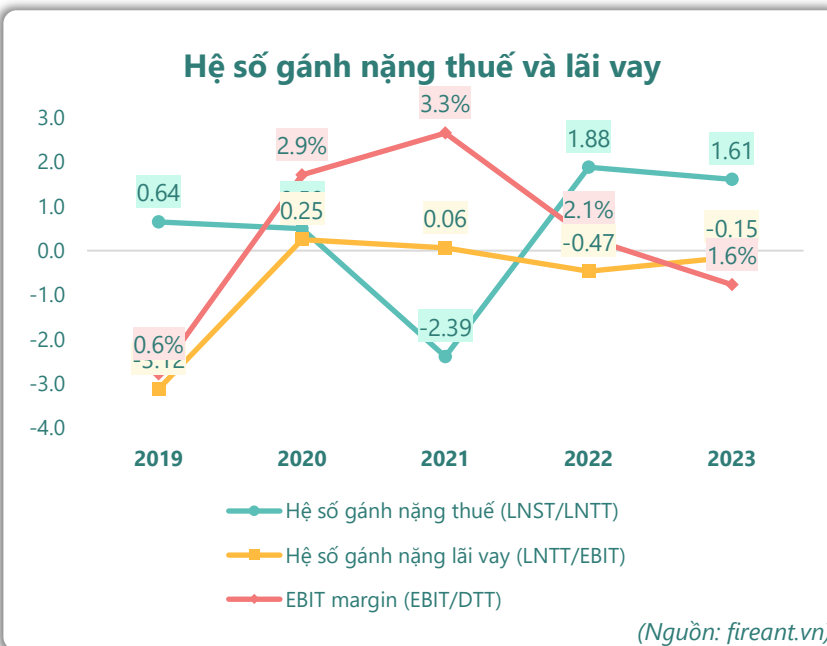
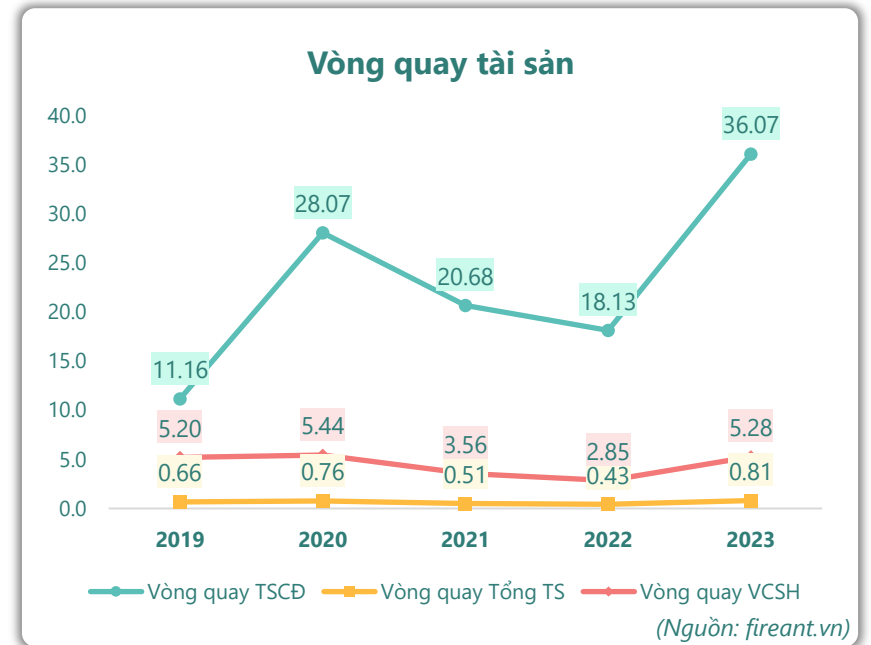
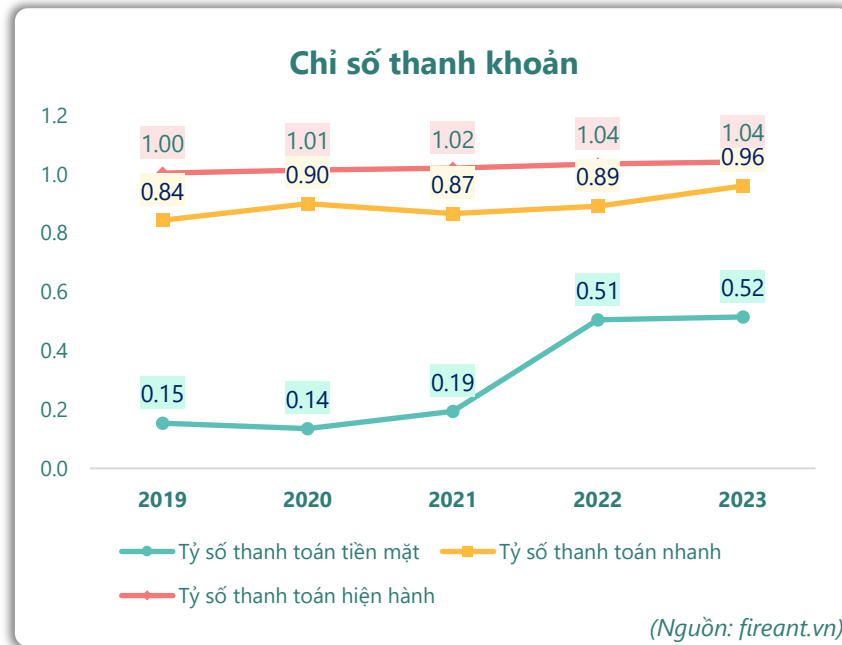
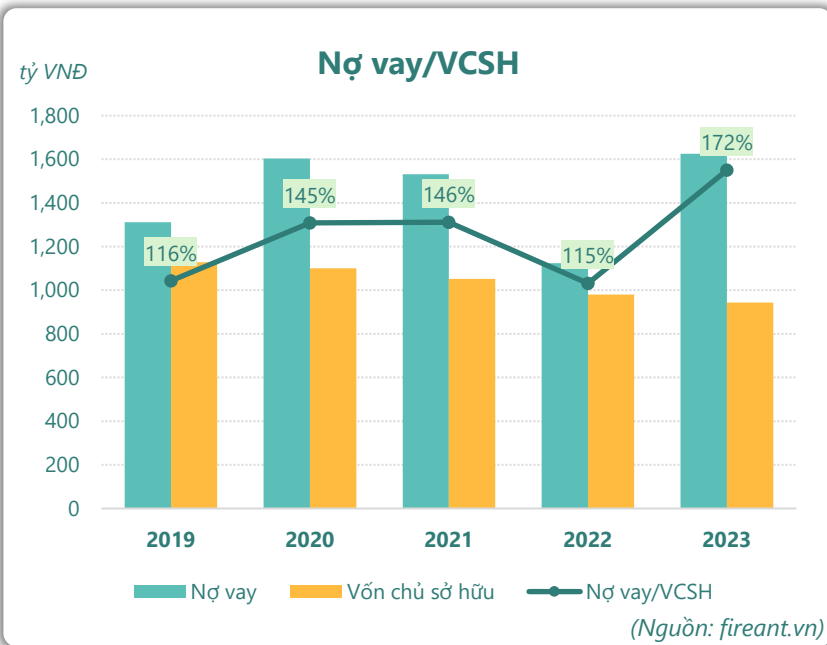


■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,651	421	292%	5,079	2,892	75.6%
Giá vốn hàng bán	1,595	431	270%	4,959	2,802	77.0%
Lợi nhuận gộp	56.1	-9.61	684%	120	90.2	32.6%
Doanh thu HĐTC	34.4	30.4	13.3%	139	117	19.2%
Chi phí TC	38.1	38.8	-1.9%	131	134	-2.4%
Chi phí lãi vay	24.5	21.7	12.9%	94.1	90.7	3.7%
LN trong công ty LKLD	-4.03	-8.78	54.2%	-22.4	-54.2	58.7%
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	13.6	-19.6	169%	120	40.4	197%
LN thuần từ HĐKD	34.8	-7.13	589%	-14.4	-21.8	33.9%
Lợi nhuận khác	0.49	2.91	-83.2%	2.30	-7.04	133%
LN trước thuế	35.3	-4.22	937%	-12.1	-28.8	58.0%
Lợi nhuận sau thuế	33.9	-5.91	674%	-19.5	-54.3	64.1%
LNST của CĐ cty mẹ	36.0	-0.22	16445%	4.22	-25.2	117%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	287	-38.2	-263	-320	180	-332
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	13.0	22.7	26.9	11.2	17.0	10.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	21.5	157	-194	388	143	-56.1
Tiền đầu kỳ	2,300	2,601	2,749	2,323	2,429	2,738
Lưu chuyển tiền thuần	322	142	-430	79.3	340	-377
Ảnh hưởng tỷ giá	-20.7	7.15	4.01	26.9	-30.8	15.0
Tiền cuối kỳ	2,601	2,749	2,323	2,429	2,738	2,376

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	6,102	6,370	-4.2%
Tài sản ngắn hạn	5,291	5,541	-4.5%
Tiền và tương đương tiền	2,376	2,738	-13.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.80	5.80	0.0%
Phải thu ngắn hạn	2,381	2,295	3.8%
Hàng tồn kho	438	433	1.1%
Tài sản ngắn hạn khác	91.1	69.6	31.0%
Tài sản dài hạn	811	829	-2.1%
Phải thu dài hạn	8.74	8.74	0.0%
Tài sản cố định	130	133	-2.4%
Bất động sản đầu tư	14.8	15.4	-3.7%
Tài sản dở dang	31.9	31.9	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	548	552	-0.7%
Tài sản dài hạn khác	77.8	87.7	-11.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5,122	5,427	-5.6%
Nợ ngắn hạn	5,013	5,315	-5.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,567	1,623	-3.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,794	1,898	-5.5%
Nợ dài hạn	109	111	-2.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.63	1.81	-9.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	980	943	3.9%
Vốn chủ sở hữu	980	944	3.9%
Vốn điều lệ	797	797	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	-0.27	-0.27	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

